TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST - HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 04 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNHCÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNVÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 118, 119, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 174/2023/TLST - HNGĐ ngày 20/12/2023, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1984

2. Chị Lê Thị D, sinh năm 1983

Cùng HKTT: Số G, Khu tập thể H, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Mạnh T1, sinh ngày 07/07/2007

+ Cháu Trần Thảo L, sinh ngày 17/3/2012

Cùng nơi cư trú: Số G, Khu tập thể H, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu T1 và cháu L là anh T, chị D là bố, mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T2 và chị D tự do tìm hiểu nhau sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 03/4/2006 được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyển số 01/2006. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về sinh sống tại nhà anh T2 tại số nhà G, Khu tập thể H, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T2 đi làm xa ít có thời gian ở nhà, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm

sống nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Anh T2 vẫn sống gia đình tại số nhà G, Khu tập thể H, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên còn chị D về sống với bố mẹ đẻ tại thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Từ khi hai vợ chồng anh chị sống ly thân vợ chồng không quan tâm nhau, không nói chuyện với nhau, vợ chồng không chia sẻ với nhau những vấn đề trong cuộc sống, chỉ nói chuyện với nhau để hỏi han những vấn đề liên quan đến con cái. Khi hai vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn thì gia đình hai bên đều biết và hai bên gia đình cũng gọi anh chị để hòa giải để vợ chồng đoàn tụ về chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên anh chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên công nhận chúng tôi thuận tình ly hôn để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T2 và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh T2 và chị D là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh T2 và chị D.

[2]. *Về con chung:* Anh T2 và chị D thống nhất vợ chồng 02 con chung là cháu tên là Trần Mạnh T1, sinh ngày 07/07/2007 và Trần Thảo L, sinh ngày 17/3/2012. Khi ly hôn anh chị thống nhất, thỏa thuận giao con chung là cháu T1 cho cho anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu L cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng anh chị thống nhất không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên được quyền đi lại, thăm con chung không ai được ngăn cản.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh T2 và chị D không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. *Về lệ phí:* Anh T2 và chị D thỏa thuận anh T2 nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày 27/12/2023, ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Mạnh T và chị Lê Thị D.

1.2. *Về con chung:* Giao cháu Trần Mạnh T1, sinh ngày 07/07/2007 cho anh Trần Mạnh T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Thảo L, sinh ngày 17/3/2012 cho chị Lê Thị D trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T2, chị D không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T2, chị D được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung anh T2, chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí:* Anh Trần Mạnh T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn, số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000305 ngày 20/12/2023 là 300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Anh T2 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- UBND phường An Tảo, TP Hưng Yên, (ĐKKH số 01/2006, ngày 03/4/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Đăng Khuê